

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Thực tập tốt nghiệp - MH1104051

Mã lớp học phần: 24111MH110405104 Số tín chỉ: 5

Giảng viên giảng dạy: Lê Thị Hồng Hà - (04146)

Ngày thi: \_\_\_\_\_ Giờ thi: \_\_\_\_\_ Phòng thi: \_\_\_\_\_

Giám thị 1: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giám thị 2: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giám thị 3: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giám thị 4: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

| STT | Mã SV      | Họ và tên             | Ngày sinh  | Chữ ký | Số tờ | Điểm số | Điểm chữ | Mã lớp | Ghi chú |
|-----|------------|-----------------------|------------|--------|-------|---------|----------|--------|---------|
| 1   | 2210100090 | Đoàn Ngọc Trâm Anh    | 20/04/2004 |        |       | 7.5     | Bảy năm  | C24QT3 |         |
| 2   | 2210100091 | Lê Huỳnh Quốc Bảo     | 21/03/2003 |        |       | 7.8     | Bảy tám  | C24QT3 |         |
| 3   | 2210100094 | Nguyễn Thị Quỳnh Giao | 10/12/2004 |        |       |         |          | C24QT3 |         |
| 4   | 2210100100 | Trần Hồng Thái Hiền   | 19/02/2004 |        |       |         |          | C24QT3 |         |
| 5   | 2210100083 | Phạm Thị Ngọc Hương   | 15/05/2004 |        |       | 6.0     | Sáu      | C24QT3 |         |
| 6   | 2210100096 | Kheo Thanh Long       | 19/02/2004 |        |       | 5.8     | Năm tám  | C24QT3 |         |
| 7   | 2210100079 | Lê Kim Muôn           | 21/10/2004 |        |       | 6.8     | Sáu tám  | C24QT3 |         |
| 8   | 2210100082 | Phạm Thị Trà My       | 25/06/2004 |        |       | 7.8     | Bảy tám  | C24QT3 |         |
| 9   | 2210100085 | Ngô Hồng Thái Mỹ      | 28/04/2004 |        |       | 8.0     | Tám      | C24QT3 |         |
| 10  | 2210100097 | Nguyễn Thị Thu Ngân   | 17/06/2004 |        |       | 6.5     | Sáu năm  | C24QT3 |         |
| 11  | 2210100075 | Tổng Thị Dương Nhi    | 10/02/2004 |        |       | 7.3     | Bảy ba   | C24QT3 |         |
| 12  | 2210100078 | Huỳnh Mỹ Quỳnh        | 19/02/2004 |        |       | 8.0     | Tám      | C24QT3 |         |
| 13  | 2210100092 | Hồ Thanh Thư          | 12/02/2004 |        |       | 7.8     | Bảy tám  | C24QT3 |         |
| 14  | 2210100099 | Võ Hoàng Minh Thư     | 10/03/2004 |        |       | 7.5     | Bảy năm  | C24QT3 |         |
| 15  | 2210100093 | Nguyễn Thị Cẩm Tiên   | 24/11/2004 |        |       | 7.3     | Bảy ba   | C24QT3 |         |
| 16  | 2210100098 | Nguyễn Thị Mỹ Tiên    | 05/02/2004 |        |       | 7.0     | Bảy      | C24QT3 |         |
| 17  | 2210100084 | Nguyễn Kim Du Y       | 01/12/2004 |        |       | 7.5     | Bảy năm  | C24QT3 |         |

Lưu ý: sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 15 vắng thi: 02 . Số bài thi/Số tờ: \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_ .

Số sinh viên đạt/không đạt: \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_ Tỷ lệ đạt: \_\_\_\_\_ , \_\_\_\_\_ %

Ngày: 01 tháng 12 năm 2024

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày: 01 tháng 12 năm 2024

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Thị Hồng Hà